

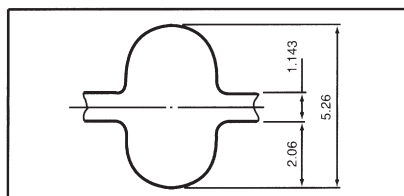


雙面圓齒型皮帶

皮帶表示法： 960 D8M 50
長度mm 規格 寬mm

► D5M 規格

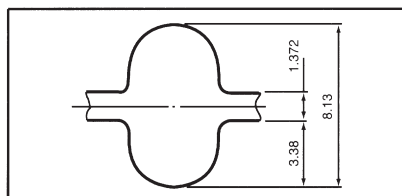
齒距：5.000mm



規 格	長 度(mm)	齒數
TP 400-5M	400.000	80
TP 405-5M	405.000	81
TP 420-5M	420.000	84
TP 425-5M	425.000	85
TP 450-5M	450.000	90
TP 475-5M	475.000	95
TP 500-5M	500.000	100
TP 520-5M	520.000	104
TP 550-5M	550.000	110
TP 560-5M	560.000	112
TP 565-5M	565.000	113
TP 600-5M	600.000	120
TP 615-5M	615.000	123
TP 635-5M	635.000	127
TP 640-5M	640.000	128
TP 645-5M	645.000	129
TP 670-5M	670.000	134
TP 695-5M	695.000	139
TP 700-5M	700.000	140
TP 710-5M	710.000	142
TP 740-5M	740.000	148
TP 755-5M	755.000	151
TP 770-5M	770.000	154
TP 775-5M	775.000	155
TP 800-5M	800.000	160
TP 810-5M	810.000	162
TP 830-5M	830.000	166
TP 835-5M	835.000	167
TP 845-5M	845.000	169
TP 860-5M	860.000	172
TP 870-5M	870.000	174
TP 890-5M	890.000	178
TP 900-5M	900.000	180
TP 920-5M	920.000	184
TP 930-5M	930.000	186
TP 935-5M	935.000	187
TP 940-5M	940.000	188
TP 950-5M	950.000	190
TP 965-5M	965.000	193
TP 975-5M	975.000	195
TP 1000-5M	1,000.000	200
TP 1025-5M	1,025.000	205
TP 1050-5M	1,050.000	210
TP 1100-5M	1,100.000	220
TP 1125-5M	1,125.000	225
TP 1135-5M	1,135.000	227
TP 1145-5M	1,145.000	229
TP 1200-5M	1,200.000	240
TP 1225-5M	1,225.000	245
TP 1235-5M	1,235.000	247
TP 1250-5M	1,250.000	250
TP 1270-5M	1,270.000	254
TP 1295-5M	1,295.000	259
TP 1350-5M	1,350.000	270
TP 1380-5M	1,380.000	276
TP 1420-5M	1,420.000	284
TP 1595-5M	1,595.000	319
TP 1690-5M	1,690.000	338
TP 1800-5M	1,800.000	360
TP 1870-5M	1,870.000	374
TP 1945-5M	1,945.000	389
TP 2000-5M	2,000.000	400
TP 2100-5M	2,100.000	420
TP 2250-5M	2,250.000	450
TP 2350-5M	2,350.000	470
TP 2525-5M	2,525.000	505

► D8M 規格

齒距：8.000mm



規 格	長 度 (mm)	齒數
TP 416-8M	416.000	52
TP 480-8M	480.000	60
TP 560-8M	560.000	70
TP 600-8M	600.000	75
TP 640-8M	640.000	80
TP 680-8M	680.000	85
TP 720-8M	720.000	90
TP 760-8M	760.000	95
TP 800-8M	800.000	100
TP 840-8M	840.000	105
TP 856-8M	856.000	107
TP 880-8M	880.000	110
TP 896-8M	896.000	112
TP 920-8M	920.000	115
TP 960-8M	960.000	120
TP 1000-8M	1,000.000	125
TP 1040-8M	1,040.000	130
TP 1056-8M	1,056.000	132
TP 1080-8M	1,080.000	135
TP 1120-8M	1,120.000	140
TP 1200-8M	1,200.000	150
TP 1248-8M	1,248.000	156
TP 1280-8M	1,280.000	160
TP 1304-8M	1,304.000	163
TP 1360-8M	1,360.000	170
TP 1392-8M	1,392.000	174
TP 1400-8M	1,400.000	175
TP 1424-8M	1,424.000	178
TP 1440-8M	1,440.000	180
TP 1600-8M	1,600.000	200
TP 1680-8M	1,680.000	210
TP 1760-8M	1,760.000	220
TP 1800-8M	1,800.000	225
TP 1904-8M	1,904.000	238
TP 2000-8M	2,000.000	250
TP 2104-8M	2,104.000	263
TP 2240-8M	2,240.000	280
TP 2272-8M	2,272.000	284
TP 2400-8M	2,400.000	300
TP 2600-8M	2,600.000	325
TP 2800-8M	2,800.000	350
TP 3048-8M	3,048.000	381
TP 3200-8M	3,200.000	400
TP 3280-8M	3,280.000	410
TP 3600-8M	3,600.000	450
TP 4400-8M	4,400.000	550
TP 4960-8M	4,960.000	620

DS 8 M

規 格	長 度 (mm)	齒 數
* 600-DS 8 M	600	75
* 632-DS 8 M	632	79
* 640-DS 8 M	640	80
* 656-DS 8 M	656	82
* 688-DS 8 M	688	86
* 696-DS 8 M	696	87
* 712-DS 8 M	712	89
* 720-DS 8 M	720	90
* 728-DS 8 M	728	91
* 736-DS 8 M	736	92
* 760-DS 8 M	760	95
* 768-DS 8 M	768	96
* 784-DS 8 M	784	98
* 792-DS 8 M	792	99
* 800-DS 8 M	800	100
* 824-DS 8 M	824	103
* 848-DS 8 M	848	106
* 864-DS 8 M	864	108
* 880-DS 8 M	880	110
* 912-DS 8 M	912	114
* 920-DS 8 M	920	115
* 944-DS 8 M	944	118
* 960-DS 8 M	960	120
* 992-DS 8 M	992	124
* 1000-DS 8 M	1000	125
* 1056-DS 8 M	1056	132
* 1064-DS 8 M	1064	133
* 1072-DS 8 M	1072	134
* 1120-DS 8 M	1120	140
* 1136-DS 8 M	1136	142
* 1160-DS 8 M	1160	145
* 1168-DS 8 M	1168	146
* 1176-DS 8 M	1176	147
* 1184-DS 8 M	1184	148
* 1200-DS 8 M	1200	150
* 1216-DS 8 M	1216	152
* 1240-DS 8 M	1240	155
* 1256-DS 8 M	1256	157
* 1264-DS 8 M	1264	158
* 1280-DS 8 M	1280	160
* 1296-DS 8 M	1296	162
* 1304-DS 8 M	1304	163
* 1312-DS 8 M	1312	164
* 1344-DS 8 M	1344	168
* 1368-DS 8 M	1368	171
* 1400-DS 8 M	1400	175
* 1408-DS 8 M	1408	176
* 1440-DS 8 M	1440	180
* 1480-DS 8 M	1480	185
* 1512-DS 8 M	1512	189
* 1552-DS 8 M	1552	194
* 1600-DS 8 M	1600	200
* 1624-DS 8 M	1624	203
* 1760-DS 8 M	1760	220
* 1776-DS 8 M	1776	222
* 1800-DS 8 M	1800	225
* 1816-DS 8 M	1816	227